

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 65/2019/HS-PT
Ngày 20-02-2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Chung
2. Ông Nguyễn Duy Thuần

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2019/TLPT-HS ngày 14/01/2019 đối với các bị cáo Trương Công B và Nguyễn Vũ S, về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2018/HS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trương Công B - Sinh ngày: 15/12/1981, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Đường N, tổ dân phố T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Sửa xe ô tô; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Công B1 (đã chết) và bà Phạm Thị H, sinh năm 1955; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1989 và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Vũ S - Sinh ngày: 28/3/1983, tại tỉnh Hà Nam.

Nơi cư trú: Thôn M, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Vũ B, sinh năm 1995 và bà Đỗ Thị T (đã chết); bị cáo có vợ là Trần Thị H, sinh năm 1987 và có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 11/3/2018, Trương Công B đến gặp Nguyễn Văn H1 thuê chiếc xe ô tô tải biển số 47C-153.xx của ông H1 một đêm với giá tiền 1.000.000 đồng để đi mua và vận chuyển khoai mì về bán lại kiếm lời. Sau đó B điều khiển xe đi đến nhà bạn là Đoàn Thanh U, rủ U đi cùng thì được U đồng ý. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, B lái xe ô tô đến xã C, huyện K để mua khoai mì của một số người dân nhưng không đủ một chuyến xe nên B quay về. Khi đi đến cây xăng Y thuộc thôn Y, xã C thì gặp hai người đàn ông đi cùng một xe mô tô (không rõ biển số xe, nhân thân lai lịch) vẫy B lại và hỏi thuê xe vận chuyển gỗ đến thành phố B với giá 3.000.000 đồng, thì B đồng ý. Hai người đàn ông này nhờ B thuê khoảng 07 - 08 người để bốc vác gỗ lên xe, nên B sử dụng điện thoại di động màu xanh nhãn hiệu BUK, gắn sim số 01634.488.xxx của B gọi vào số điện thoại 01683.774.xxx của ông Phạm Văn S1 nhờ tìm người bốc vác. Sau khi nghe điện thoại của B, ông S1 gọi điện cho Nguyễn Vũ S và hỏi có đi bốc hàng thuê không, thì S đồng ý nên ông S1 cung cấp số điện thoại 0941.472.xxx của S cho B và B gọi cho S nhờ tìm thêm người bốc vác gỗ và hẹn gặp tại cây xăng Y. Sau đó S điều khiển xe mô tô đi vào buôn T, xã C thì gặp 07 nam thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch) ở ngoài đường, S hỏi có đi bốc gỗ thuê không thì những người này đồng ý, rồi S cùng với 07 thanh niên đi 03 xe mô tô (không biết rõ biển số xe) đến cây xăng Y gặp B cùng 02 người đàn ông thuê vận chuyển gỗ. Các bên thỏa thuận giá thuê bốc xếp gỗ lên xe ô tô của mỗi người là 300.000 đồng. Hai người đàn ông dẫn B và những người bốc vác đi đến 07 địa điểm là các bãi đất trống ven đường liên thôn thuộc các thôn Y, E, N của xã C để bốc xếp 34 hộp gỗ xẻ, loại gỗ Pơ Mu, có tổng khối lượng là 6,618m³ được tập kết sẵn ở lề đường lên xe ô tô tải biển số 47C-153.xx. Sau khi bốc gỗ xong, 07 thanh niên nhận tiền công rồi đi về. Lúc này khoảng hơn 00 giờ ngày 12/3/2018, 02 người đàn ông thuê vận chuyển gỗ tiếp tục thuê S đi theo xe ô tô để bốc gỗ

xuống, đồng thời dặn B khoảng 02 giờ sáng ngày 12/3/2018 mới bắt đầu khởi hành và hẹn gặp tại cầu K, gần ngã ba buôn C, xã C để cùng đi đến thành phố B. Sau đó B điều khiển xe ô tô chở U còn S đi xe mô tô, khi đến gần nhà ông S1 thì B và U vào nhà ông S1 ngủ, S đi bộ về nhà ở gần đó.

Đến giờ hẹn, B điều khiển xe ô tô chở S và U đi đến cầu K gặp 02 người đàn ông thuê chở gỗ. Tại đây 02 người này nói B điều khiển xe đi trước còn 02 người đi xe mô tô theo sau, khi nào đến thành phố B sẽ có người đón dẫn đi giao gỗ. B điều khiển xe ô tô đi trên đường Quốc lộ 27 theo hướng huyện K đi thành phố B. Đến khoảng 05 giờ sáng ngày 12/3/2018, khi xe chạy đến địa bàn xã H, huyện C, thì bị tổ công tác thuộc Cơ quan điều tra Công an huyện C tiến hành kiểm tra, phát hiện lập biên bản vụ việc và tạm giữ phương tiện cùng tang vật có liên quan.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tạm giữ các đồ vật, tài liệu sau: 34 hộp gỗ xẻ, chủng loại gỗ Pơ Mu, thuộc Nhóm IIA; 01 xe ô tô tải biển số 47C-153.xx; 01 Giấy phép lái xe số 660124816xxx do Sở Giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 21/9/2017 mang tên Trương Công B; 01 điện thoại di động màu xanh, trên máy đề chữ “BUK”, số IMEI1: 980028003277477, số IMEI2: 980028003307779 có gắn 01 sim Viettel số thuê bao 01634.488.xxx, số seri Sim: 8984-04800-88254-04723 do Trương Công B giao nộp; 01 điện thoại di động màu đen, trên máy đề chữ “BBV”, số IMEI: 355198939158989 có gắn 01 Sim Vinaphone số thuê bao 0941.472.xxx, số Seri Sim 89840-20001-06101-99077 và số tiền 300.000 đồng do Nguyễn Vũ S tự nguyện giao nộp; 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu NOKIA, số IMEI1: 357333087222075, số IMEI2: 35734808904076 có gắn 02 Sim trong đó 01 SIM Viettel số thuê bao 0984.763.xxx, số Seri Sim: 8984-04888-4100-0033-304 và 01 Sim Vinaphone số thuê bao 0944.748.xxx, số Seri Sim 08940-20001-06524-81565 do Đoàn Thanh U giao nộp; 01 Hợp đồng mua bán xe giữa Nguyễn Văn H1 và Đoàn Thanh U; 01 giấy chứng nhận kiểm định và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 47C-153.xx do Nguyễn Văn H1 giao nộp.

Tại bản Kết luận giám định ngày 23/3/2018 của Hội đồng giám định tập thể (Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đ và Trường Đại học T) đã kết luận: Tổng khối lượng gỗ là $6,618\text{m}^3/34$ hộp gỗ xẻ; quy gỗ xẻ thành gỗ tròn: $6,618\text{m}^3 \times 1,6 = 10,588\text{m}^3$ gỗ tròn; chủng loại: Gỗ Pơ Mu, thuộc Nhóm IIA; gỗ có tên khoa học là *Fokienia hodginsii*; không xác định được dấu búa Kiểm lâm do không thấy dấu vết Búa.

Trong vụ án này, đối với Đoàn Thanh U, là người được B rủ đi cùng nhưng quá trình B thỏa thuận bóc và vận chuyển gỗ thì U nằm ngủ trong ca bin xe, nên không biết việc B vận chuyển gỗ trái phép; đối với Phạm Văn S1, là người giới thiệu Nguyễn Vũ S cho Trương Công B, nhưng S1 không biết việc B vận chuyển gỗ trái phép. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Đoàn Thanh U và Phạm Văn S1. Đối với 02 người đàn ông đã thuê B vận chuyển gỗ và 07 nam thanh niên bóc xếp gỗ thuê, qua điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch của những người này, nên Cơ quan điều tra chưa có căn cứ để xem xét, xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2018/HS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

1. Về tội danh: Căn cứ Điều 232 Bộ luật hình sự, tuyên bố các bị cáo Trương Công B, Nguyễn Vũ S phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm k khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trương Công B 01 (một) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng điểm k khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ S 09 (chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/11/2018, các bị cáo Trương Công B và Nguyễn Vũ S có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trương Công B và Nguyễn Vũ S vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và điều khai nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo và khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Trương Công B và Nguyễn Vũ S về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo điểm k

khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, là có căn cứ và đúng pháp luật. Mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và phạm tội lần đầu, nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo với xã hội cũng đảm bảo việc cải tạo, giáo dục các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trương Công B và Nguyễn Vũ S, sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt.

Áp dụng điểm k khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trương Công B 01 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm.

Áp dụng điểm k khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ S 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo Trương Công B và Nguyễn Vũ S không tranh luận, bào chữa gì chỉ đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Trương Công B và bị cáo Nguyễn Vũ S tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 21 giờ ngày 11/3/2018, sau khi được hai người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) thuê vận chuyển gỗ từ huyện K đến thành phố B với giá 3.000.000 đồng. Bị cáo Trương Công B đã gọi điện thoại cho Nguyễn Vũ S để bốc gỗ thuê và nhờ S gọi thêm người đến bốc gỗ lên xe. Sau khi bốc gỗ xong, bị cáo B đã điều khiển xe ô tô tải biển số

47C-153.xx (xe thuê của ông Nguyễn Văn H1) vận chuyển trái phép 6,618m³ gỗ xẻ (quy gỗ xẻ thành gỗ tròn là 10,588m³), chủng loại gỗ Pơ Mu, thuộc Nhóm IIA. Đến khoảng 05 giờ S ngày 12/3/2018, khi xe chạy đến địa bàn xã H, huyện C, thì bị tổ công tác thuộc Cơ quan điều tra Công an huyện C tiến hành kiểm tra, phát hiện và lập biên bản xử lý theo quy định. Bị cáo Nguyễn Vũ S mặc dù biết rõ nguồn gốc gỗ là bất hợp pháp nhưng vẫn đồng ý bốc vác thuê và nhận tiền công, nên đã đồng phạm cùng với bị cáo B. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Trương Công B và Nguyễn Vũ S về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, là có căn cứ và đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Đối với kháng cáo của các bị cáo Trương Công B và Nguyễn Vũ S, Hội đồng xét xử xét thấy: Mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Trương Công B 01 năm tù và bị cáo Nguyễn Vũ S 09 tháng tù là thỏa đáng và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên, cả hai bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải; bị cáo S quá trình lao động tại địa phương có nhiều thành tích và được Ủy ban nhân dân huyện K tặng Giấy khen, đồng thời bị cáo cũng đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự. Xét thấy, bị cáo B và bị cáo S có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, các bị cáo đều nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng, điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo với xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, để các bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội, dưới sự theo dõi, giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình là phù hợp, như vậy cũng đảm bảo việc cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành những công dân tốt. Do đó cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trương Công B và Nguyễn Vũ S, sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận, nên các bị cáo Trương Công B và Nguyễn Vũ S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trương Công B và Nguyễn Vũ S, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2018/HS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk về biện pháp chấp hành hình phạt.

[1.1] Áp dụng: Điểm k khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trương Công B 01 (một) năm tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

[1.2] Áp dụng: Điểm k khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ S 09 (chín) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trương Công B cho Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và giao bị cáo Nguyễn Vũ S cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trương Công B và Nguyễn Vũ S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- TAND huyện Cư Kuin;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Công an huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện C;
- T.H.A.HS Công an huyện C;
- Bị cáo;
- ...;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Bình